

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ					4.500,0	1.000,0	500,0		4.500,0	1.000,0	500,0	1.500,0	1.000,0	500,0	
I	Vôn hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình trụ sở Công an xã					4.500,0	1.000,0	500,0		4.500,0	1.000,0	500,0	1.500,0	1.000,0	500,0	
1	Các dự án dự kiến khởi công năm 2024					4.500,0	1.000,0	500,0		4.500,0	1.000,0	500,0	1.500,0	1.000,0	500,0	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn	2024-2025	UBND xã Đông Sơn	920/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	4.500,0	1.000,0	500,0	01/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	4.500,0	1.000,0	500,0	1.500,0	1.000,0	500,0	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)				Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH				Vốn NS tỉnh	Vốn NSH	Tăng (+)	Giảm (-)		Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW		Vốn NS huyện
	Tổng số			1.970.326,1		1.255.373,8	502.214,0	26.334,0	726.825,8	852.888,6	406.440,7	402.484,1	82.100,0	320.384,1	-	138.717,777	1.116.656,0	502.214,0	26.334,0	588.108,0	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			15.811,0		11.580,1	-	9.400,0	2.180,1	11.580,1	2.180,15	-	-	-	-	-	11.580,15	-	9.400,00	2.180,15	
I	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo			15.811,0		11.580,1	-	9.400,0	2.180,1	11.580,1	2.180,15	-	-	-	-	-	11.580,15	-	9.400,00	2.180,15	
-	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	3733/QĐ-UBND ngày 24/9/2019; 4917/QĐ-UBND ngày 27/11/2020; 2285/QĐ-UBND ngày 11/6/2021;	15.811,0	2020-2022	11.580,1		9.400,0	2.180,148	11.580,1	2.180,15	-					11.580,1	-	9.400,0	2.180,1	Đã hoàn thành
B	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH			829.520,1		551.393,2	486.349,0	-	65.044,2	460.717,9	56.469,0	90.675,2	82.100,0	8.575,2	-	3.000,0	548.393,2	486.349,0	-	62.044,2	
I	Các dự án do cấp tỉnh quản lý (tính đến thời điểm 10/10/2021 đã được HĐND/UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án giao cho huyện, thành phố làm chủ đầu tư)			280.579,0		260.000,0	260.000,0	-	-	234.800,0	-	25.200,0	25.200,0	-	-	-	260.000,0	260.000,0	-	-	
1	Lĩnh vực giao thông			280.579,0		260.000,0	260.000,0	-	-	234.800,0	-	25.200,0	25.200,0	-	-	-	260.000,0	260.000,0	-	-	
*	Dự án khởi công mới			280.579,0		260.000,0	260.000,0	-	-	234.800,0	-	25.200,0	25.200,0	-	-	-	260.000,0	260.000,0	-	-	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bồ Hạ đi qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đến trường Cao đẳng Nghề Đông Bắc thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	280.579,0	2022-2025	260.000,0	260.000,0			234.800,0		25.200,0	25.200,0				260.000,0	260.000,0	-	-	Đang triển khai thực hiện
II	Các dự án hỗ trợ ngân sách cấp huyện			219.384,1	0	152.278,8	130.000,0	-	22.278,8	106.703,6	16.703,6	45.575,2	40.000,0	5.575,2	-	-	152.278,8	130.000,0	-	22.278,8	
1	Lĩnh vực giao thông			104.514,1		54.903,8	51.000,0	-	3.903,8	54.903,8	3.903,8	-	-	-	-	-	54.903,8	51.000,0	-	3.903,8	
*	Dự án khởi công mới			104.514,1	0	54.903,8	51.000,0	-	3.903,8	54.903,8	3.903,8	-	-	-	-	-	54.903,8	51.000,0	-	3.903,8	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Canh Nậu (đoạn từ Quốc lộ 17 đi cây xăng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	914/QĐ-UBND, 24/11/2020; 141/QĐ-UBND, 25/2/2021	15.000,0	2021-2022	5.000,0	5.000,0			5.000,0		-					5.000,0	5.000,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp - Tiến Thắng (đoạn từ Kiểm Lâm đi đình Đình Thép; đoạn từ ngã ba Tiến Thịnh đi UBND xã Tiến Thắng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1061/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020	14.000,0	2021-2022	9.903,8	6.000,0		3.903,8	9.903,8	3.903,8	-					9.903,8	6.000,0	-	3.903,8	Đã hoàn thành
-	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 242 (dài 1,4km) Cấp III	Ban QLDA ĐTXD huyện	575/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	46.000,0	2021-2023	30.000,0	30.000,0			30.000,0		-					30.000,0	30.000,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Cổng Xây - Ngã ba Đông Tâm)	Ban QLDA ĐTXD huyện	1000/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	14.687,0	2022-2023	7.000,0	7.000,0			7.000,0		-					7.000,0	7.000,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đông Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đông Tâm đi xã Hồng Kỳ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	14.827,1	2022-2023	3.000,0	3.000,0			3.000,0		-					3.000,0	3.000,0	-	-	Đã hoàn thành
2	Lĩnh vực quốc phòng - an ninh			15.000,0		13.500,0	4.000,0	-	9.500,0	13.299,8	9.299,8	200,2	-	200,2	-	-	13.500,0	4.000,0	-	9.500,0	
*	Dự án khởi công mới			15.000,0		13.500,0	4.000,0	-	9.500,0	13.299,8	9.299,8	200,2	-	200,2	-	-	13.500,0	4.000,0	-	9.500,0	
-	Xây dựng công trình Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu giai đoạn 2020 - 2025	Ban Chỉ huy QS huyện	32/QĐ-UBND ngày 07/9/2020	15.000,0	2021-2023	13.500,0	4.000,0		9.500,0	13.299,8	9.299,8	200,2		200,2			13.500,0	4.000,0	-	9.500,0	Đã hoàn thành
3	Lĩnh vực cơ sở hạ tầng			14.995,0	0	5.000,0	5.000,0	-	-	5.000,0	-	-	-	-	-	-	5.000,0	5.000,0	-	-	
*	Dự án khởi công mới			14.995,0		5.000,0	5.000,0	-	-	5.000,0	-	-	-	-	-	-	5.000,0	5.000,0	-	-	
-	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng - Đoàn thể huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	8205/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	14.995,0	2022-2024	5.000,0	5.000,0			5.000,0		-					5.000,0	5.000,0	-	-	
4	Lĩnh vực văn hóa			84.875,0	0	78.875,0	70.000,0	-	8.875,0	33.500,0	3.500,0	45.375,0	40.000,0	5.375,0	-	-	78.875,0	70.000,0	-	8.875,0	
*	Dự án khởi công mới			84.875,0		78.875,0	70.000,0	-	8.875,0	33.500,0	3.500,0	45.375,0	40.000,0	5.375,0	-	-	78.875,0	70.000,0	-	8.875,0	
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những điểm khởi nghĩa Yên Thế; Hạng mục:Giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	2365/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	84.875,0	2023-2024	78.875,0	70.000,0		8.875,0	33.500,0	3.500,0	45.375,0	40.000,0	5.375,0			78.875,0	70.000,0	-	8.875,0	Đã hoàn thành

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)				Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng số	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH				Vốn NS tỉnh	Vốn NSH	Tăng (+)	Giảm (-)		Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW		Vốn NS huyện
III	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh			230.993,0		72.756,8	54.500,0	-	18.256,8	61.856,8	18.256,8	10.900,0	10.900,0	-	-	-	72.756,8	54.500,0	-	18.256,8	
*	Dự án khởi công mới			230.993,0	0	72.756,8	54.500,0	-	18.256,8	61.856,8	18.256,8	10.900,0	10.900,0	-	-	-	72.756,8	54.500,0	-	18.256,8	
-	Cải tạo, sửa chữa phòng họp HĐND & UBND huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	913/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; 774/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	2.500,0	2020-2022	2.203,9	1.805,0		398,9	2.203,9	398,9	-					2.203,9	1.805,0	-	398,9	Đã hoàn thành
-	Nhà hội trường UBND thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	UBND thị trấn Phồn Xương	708/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 175/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	11.500,0	2020-2022	1.500,0	1.500,0			1.500,0		-					1.500,0	1.500,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Kỳ	UBND xã Đồng Kỳ	709/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	7.000,0	2020-2022	2.500,0	2.500,0			2.500,0		-					2.500,0	2.500,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Canh Nậu (đoạn từ Quốc lộ 17 đi cây xăng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	914/QĐ-UBND, 24/11/2020; 141/QĐ-UBND, 25/2/2021	15.000,0	2021-2022	8.377,8	6.000,0		2.377,8	8.377,8	2.377,8	-					8.377,8	6.000,0	-	2.377,8	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh UBND huyện, thị trấn Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	158/QĐ-UBND ngày 02/3/2021; 349/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	10.000,0	2021-2022	9.500,0	5.000,0		4.500,0	9.500,0	4.500,0	-					9.500,0	5.000,0	-	4.500,0	Đã hoàn thành
-	Xây dựng nhà lớp học Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	570/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	14.925,0	2021-2023	13.430,0	5.050,0		8.380,0	13.430,0	8.380,0	-					13.430,0	5.050,0	-	8.380,0	Đã hoàn thành
-	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng - Đoàn thể huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	571/QĐ-UBND ngày 15/9/2021; 401/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	14.995,0	2021-2023	9.500,0	8.500,0		1.000,0	9.500,0	1.000,0	-					9.500,0	8.500,0	-	1.000,0	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đồng Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	18/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	52.851,0	2023-2024	7.645,0	7.645,0			4.745,0		2.900,0	2.900,0				7.645,0	7.645,0	-	-	Đang triển khai thực hiện
-	Trường mầm non Tam Tiến; Hạng mục: Tường rào, lát sân, nhà để xe, nhà bảo vệ	Ban QLDA ĐTXD huyện	780/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.844,0	2023-2024	1.500,0	1.500,0			1.500,0		-	-				1.500,0	1.500,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những diêm khởi nghĩa Yên Thế; Hạng mục:Giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	2365/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	84.875,0	2023-2024	5.000,0	5.000,0					5.000,0	5.000,0				5.000,0	5.000,0	-	-	Đã hoàn thành
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD huyện	781/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	12.884,0	2023-2024	9.600,0	8.000,0		1.600,0	6.600,0	1.600,0	3.000,0	3.000,0				9.600,0	8.000,0	-	1.600,0	Đã hoàn thành
-	Xây dựng trường THCS Đồng Sơn; Hạng mục: Lát sân, nhà để xe	Ban QLDA ĐTXD huyện	782/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.619,0	2023-2024	2.000,0	2.000,0			2.000,0		-	-				2.000,0	2.000,0	-	-	Đã hoàn thành
IV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 - 2025			14.613,0		13.150,0	12.000,0	-	1.150,0	13.150,0	1.150,0	-	-	-	-	-	13.150,0	12.000,0	-	1.150,0	
*	Dự án khởi công mới			14.613,0		13.150,0	12.000,0	-	1.150,0	13.150,0	1.150,0	-	-	-	-	-	13.150,0	12.000,0	-	1.150,0	
-	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	645/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	14.613,0	2022-2024	13.150,0	12.000,0		1.150,0	13.150,0	1.150,0	-					13.150,0	12.000,0	-	1.150,0	Đã hoàn thành
V	Vốn Đề án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn bản đặc biệt khó khăn theo NQ 12/2018/NQ-HĐND tỉnh			1.767,0		1.500,0	1.500,0	-	-	1.500,0	-	-					1.500,0	1.500,0	-	-	
*	Dự án khởi công mới			1.767,0		1.500,0	1.500,0	-	-	1.500,0	-	-					1.500,0	1.500,0	-	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp đập Bờ Mèo, mương dẫn nước xã Canh Nậu	UBND xã Canh Nậu	705/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	1.767,0	2021-2022	1.500,0	1.500,0			1.500,0		-					1.500,0	1.500,0	-	-	Đã hoàn thành
VI	Hỗ trợ ngân sách các huyện đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh			30.538,0		21.757,6	7.899,0	-	13.858,6	21.757,6	13.858,6	-	-	-	-	-	21.757,6	7.899,0	-	13.858,6	
*	Dự án khởi công mới			30.538,0		21.757,6	7.899,0	-	13.858,6	21.757,6	13.858,6	-	-	-	-	-	21.757,6	7.899,0	-	13.858,6	
-	Khu xử lý rác thải xã Xuân Lương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	695/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	9.842,0	2021-2023	6.678,3	2.457,0		4.221,3	6.678,3	4.221,3	-					6.678,3	2.457,0	-	4.221,3	Đã hoàn thành
-	Xây dựng nhà xử lý rác thải thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	704/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	5.697,0	2021-2022	5.354,0	2.457,0		2.897,0	5.354,0	2.897,0	-					5.354,0	2.457,0	-	2.897,0	Đã hoàn thành
-	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	637/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.999,0	2021-2023	9.725,3	2.985,0		6.740,3	9.725,3	6.740,3	-					9.725,3	2.985,0	-	6.740,3	Đã hoàn thành

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)				Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại			Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH		Ngân sách huyện		Vốn NS tỉnh	Vốn NSH	Tăng (+)	Giảm (-)		Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NS huyện	
VII	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021)			45.073,0		28.500,0	19.000,0	-	9.500,0	19.500,0	6.500,0	9.000,0	6.000,0	3.000,0	3.000,0		25.500,0	19.000,0	-	6.500,0	Do giám triển khai các xã sát nhập
VIII	Vốn hỗ trợ đầu tư tu bổ di tích lịch sử - văn hóa			6.573,0		1.450,0	1.450,0	-	-	1.450,0		-					1.450,0	1.450,0	-	-	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đình Thép xã Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	693/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	1.673,0	2021-2022	450,0	450,0			450,0		-					450,0	450,0	-	-	Đã hoàn thành
2	Tu bổ, chống xuống cấp di tích đình Bo Chợ, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	UBND xã Đông Sơn	287/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	4.900,0	2021-2022	1.000,0	1.000,0			1.000,0		-					1.000,0	1.000,0	-	-	Đã hoàn thành
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN - THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			907.490,0		586.592,2	-	-	586.592,2	286.191,5	286.191,5	300.399,7	-	300.399,7	-	135.578,4	451.013,8	-	-	451.013,8	
I	Bổ trí vốn để trả nợ đọng XDCB từ giai đoạn trước chuyển sang			20.884,6		5.846,2	-	-	5.846,2	5.818,5	5.818,5	27,8	-	27,8	-	27,8	5.818,5	-	-	5.818,5	
1	Hỗ trợ xây dựng NTM các nhà văn hóa thôn, bản, phố giai đoạn 2016-2020	UBND các xã, thị trấn		9.700,0		1.825,0			1.825,0	1.825,0	1.825,0	-					1.825,0	-	-	1.825,0	Đã hoàn thành
2	Tiền vay Quỹ đất tỉnh GPMB Khu liên hợp thể thao huyện (đợt 3)	Trung tâm PTQĐ&CCN	224/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	2.826,5	2020	2.826,5		2.826,5	2.798,7	2.798,7		27,8		27,8		27,8	2.798,7	-	-	2.798,7	Đã hoàn thành, hết nhiệm vụ chi
3	Tiền vay Quỹ đất tỉnhGPMB Khu liên hợp thể thao huyện (đợt 4,5)	Trung tâm PTQĐ&CCN	781/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 777/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	758,1	2020	758,1		758,1	758,1	758,1	758,1	-		-			758,1	-	-	758,1	Đã hoàn thành
4	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh từ trường trung cấp nghề di trường mầm non TT Cầu Gồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	4031/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.600,0	2019-2020	356,4		356,4	356,4	356,4	356,4	-		-			356,4	-	-	356,4	Đã hoàn thành
5	Khu liên hợp thể thao huyện (Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm, khuyến khích tiền độ đợt 4)	Trung tâm PTQĐ&CCN			2020	50,9		50,9	50,9	50,9	50,9	-		-			50,9	-	-	50,9	Đã hoàn thành
6	Khu liên hợp thể thao huyện (GPMB đợt 6)	Trung tâm PTQĐ&CCN			2020	29,3		29,3	29,3	29,3	29,3	-		-			29,3	-	-	29,3	Đã hoàn thành
II	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn trước chưa bố trí đủ vốn			27.753,4		4.250,4	-	-	4.250,4	4.250,4	4.250,4	-	-	-	-	-	4.250,4	-	-	4.250,4	
-	Khu dân cư trung tâm xã Xuân Lương, huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	516/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	12.918,2	2019-2020	1.942,1			1.942,1	1.942,1	1.942,1	-					1.942,1	-	-	1.942,1	Đã hoàn thành
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	4027/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019	14.835,3	2019-2020	2.308,3		2.308,3	2.308,3	2.308,3	2.308,3	-					2.308,3	-	-	2.308,3	Đã hoàn thành
III	Vốn Quy hoạch											-					-	-	-	-	
IV	Vốn chuẩn bị đầu tư			3.000,0		3.000,0			3.000,0			3.000,0	-	3.000,0	-	3.000,0	-	-	-	-	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án giai đoạn 2021-2025			3.000,0		3.000,0			3.000,0			3.000,0		3.000,0		3.000,0	-	-	-	-	Đã được bố trí theo từng dự án
V	Vốn thực hiện dự án (đầu tư cho lĩnh vực, ngành)			855.852,0		573.495,6	-	-	573.495,6	276.122,7	276.122,7	297.372,0	-	297.372,0	-	132.550,7	440.944,9	-	-	440.944,9	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			44.047,0		20.894,6	-	-	20.894,6	20.894,6	20.894,6	-	-	-	-	-	20.894,6	-	-	20.894,6	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3915/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	17.141,0	2020-2021	10.722,1			10.722,1	10.722,1	10.722,1	-					10.722,1	-	-	10.722,1	Đã hoàn thành
-	Lập Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế đến năm 2035	Phòng Kinh tế và HT	931/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	4.679,0	2020-2021	3.571,5		3.571,5	3.571,5	3.571,5	3.571,5	-					3.571,5	-	-	3.571,5	Đã hoàn thành
-	Khu dân cư thôn Trại Chuối 1 xã Đông Kỳ	Trung tâm PTQĐ&CCN	541/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; 918/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	3.224,0	2019-2021	2.401,0		2.401,0	2.401,0	2.401,0	2.401,0	-		-			2.401,0	-	-	2.401,0	Đã hoàn thành
-	Khu dân cư thôn Cống Châu xã Đông Hưu	Trung tâm PTQĐ&CCN	541/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; 918/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	4.888,0	2019-2021	3.200,0		3.200,0	3.200,0	3.200,0	3.200,0	-		-			3.200,0	-	-	3.200,0	Đã hoàn thành
-	Chi công tác quản lý đất đai			14.115,0		1.000,0	-	-	1.000,0	1.000,0	1.000,0	-					1.000,0	-	-	1.000,0	
+	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bó Hạ	Phòng Tài nguyên và MT	682/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	10.572,0	2020-2021	800,0			800,0	800,0	800,0	-					800,0	-	-	800,0	Đã hoàn thành
+	Lập Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT	687/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	3.543,0	2019-2021	200,0			200,0	200,0	200,0	-					200,0	-	-	200,0	Đã hoàn thành
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			811.805,0		552.601,0	-	-	552.601,0	255.228,1	255.228,1	297.372,0	-	297.372,0	-	132.550,7	420.050,3	-	-	420.050,3	
*	Chi công tác quản lý đất đai			23.008,0		19.179,0	-	-	19.179,0	9.886,6	9.886,6	9.292,4	-	9.292,4	-	9.292,4	9.886,6	-	-	9.886,6	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)			Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH	Vốn NS tỉnh	Vốn NSH		Tăng (+)	Giảm (-)
-	Đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thị trấn Phồn Xương	Phòng Tài nguyên và MT	718/QĐ-UBND ngày 17/10/2020	6.689,0	2020-2022	6.020,1		6.020,1	1.500,0	1.500,0	4.520,1		4.520,1		4.520,1	1.500,0	-	-	1.500,0	Dự án dừng triển khai thực hiện	
-	Đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Tam Tiến	Phòng Tài nguyên và MT	718/QĐ-UBND ngày 17/10/2020	10.352,0	2020-2022	7.370,0		7.370,0	2.941,0	2.941,0	4.429,0		4.429,0		4.429,0	2.941,0	-	-	2.941,0		
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT	533/QĐ-UBND ngày 26/8/2021; 626/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	1.654,0	2021-2023	1.643,9		1.643,9	1.500,0	1.500,0	143,9		143,9		143,9	1.500,0	-	-	1.500,0	Đã hoàn thành	
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT	1102/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	2.445,0	2022	2.445,0		2.445,0	2.245,6	2.245,6	199,4		199,4		199,4	2.245,6	-	-	2.245,6	Đã hoàn thành	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT	4557/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.868,0	2023-2024	1.700,0		1.700,0	1.700,0	1.700,0	-				1.700,0	-	-	1.700,0	Đã hoàn thành		
*	Lĩnh vực GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật			616.813,0		395.241,8	-	-	395.241,8	150.280,3	150.280,3	244.960,6	-	244.960,6	-	97.709,3	297.532,5	-	-	297.532,5	
-	Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	915/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.997,0	2021-2023	8.700,0		8.700,0	7.000,0	7.000,0	1.700,0		1.700,0		1.700,0	7.000,0	-	-	7.000,0	Dự án dừng triển khai thực hiện	
-	Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	901/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	25.979,0	2023-2024	21.250,0		21.250,0	800,0	800,0	20.450,0		20.450,0			21.250,0	-	-	21.250,0	Đang triển khai thực hiện	
-	Khu dân cư thôn Trại Hồng, xã Hồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	916/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.000,0	2021-2022	13.171,9		13.171,9	12.927,6	12.927,6	244,3		244,3		244,3	12.927,6	-	-	12.927,6	Đã hoàn thành	
-	Xây dựng khu dân cư thôn Hối xã Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	696/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	350,0	2021	315,0		315,0	315,0	315,0	-				315,0	-	-	315,0	Đã hoàn thành		
-	Đầu tư mở rộng trường trường mầm non Tam Tiến huyện Yên Thế (khu chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện	822/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	2.486,0	2021	600,0		600,0	600,0	600,0	-				600,0	-	-	600,0	Đã hoàn thành		
-	Điểm dân cư trung tâm xã Đồng Vương (giai đoạn 1)	Trung tâm PTQĐ và QLTT GTXDMT	539/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	15.000,0	2021-2023	13.500,0		13.500,0	13.500,0	13.500,0	-		-	-	13.500,0	-	-	13.500,0	Đã hoàn thành		
-	Khu dân cư mới xã Đồng Kỳ (giai đoạn 1)	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	159/QĐ-UBND ngày 02/3/2021; 546/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	15.000,0	2021-2023	13.500,0		13.500,0	13.500,0	13.500,0	-		-		13.500,0	-	-	13.500,0	Đã hoàn thành		
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp trường THPT TT Bồ Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	76/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	145.748,0	2022-2025	115.061,0		115.061,0	39.359,7	39.359,7	75.701,3		75.701,3			115.061,0	-	-	115.061,0	Đang triển khai thực hiện	
-	Khu đô thị kết hợp tại định cư khu di tích lịch sử HHT	Ban QLDA ĐTXD huyện	604/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	56.421,0	2022-2023	50.778,9		50.778,9	50.778,0	50.778,0	-		-		50.778,9	-	-	50.778,9	Đã hoàn thành		
-	Khu dân cư mới xã Đồng Kỳ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	23/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	159.904,0	2023-2025	50.257,0		50.257,0	500,0	500,0	49.757,0		49.757,0		49.757,0	500,0	-	-	500,0	Dự án dừng triển khai thực hiện	
-	Điểm dân cư thôn Liên Cơ, xã Đồng Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện	391/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	15.000,0	2023-2024	13.500,0		13.500,0	-	-	13.500,0		13.500,0		13.500,0	-	-	-	Chưa thực hiện lập QH chi tiết 1/500 theo quy định và hiệu quả đầu tư không cao		
-	Điểm dân cư bản Đồn xã Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	635/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	44.920,0	2023-2024	21.600,0		21.600,0	500,0	500,0	21.100,0		21.100,0			21.600,0	-	-	21.600,0	Đang triển khai thực hiện	
-	Khu tổ hợp dịch vụ kết hợp dân cư xã Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	392/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	44.920,0	2023-2024	29.700,0		29.700,0	-	-	29.700,0		29.700,0		29.700,0	-	-	-	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho phù hợp với quy hoạch vùng huyện		
-	Điểm dân cư thôn Đồng Mơ	Ban QLDA ĐTXD huyện	393/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	3.120,0	2023-2024	2.808,0		2.808,0	-	-	2.808,0		2.808,0		2.808,0	-	-	-	Dự án dừng triển khai thực hiện		
-	Khu dân cư bản Quỳnh Lâu xã Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	394/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	58.968,0	2022-2024	40.500,0		40.500,0	10.500,0	10.500,0	30.000,0		30.000,0			40.500,0	-	-	40.500,0	Đang triển khai thực hiện	
*	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo			140.981,0		110.289,2	-	-	110.289,2	76.249,2	76.249,2	34.040,0	-	34.040,0	-	25.470,0	84.819,2	-	-	84.819,2	
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	701/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	14.936,0	2021-2023	13.205,2		13.205,2	13.205,2	13.205,2	-		-			13.205,2	-	-	13.205,2	Đã hoàn thành	
-	Xây dựng 10 phòng trường THCS Đông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	702/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	14.944,0	2021-2023	10.000,0		10.000,0	10.000,0	10.000,0	-		-			10.000,0	-	-	10.000,0	Đã hoàn thành	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, cổng, tường rào trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	638/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	15.000,0	2022-2024	13.500,0		13.500,0	13.500,0	13.500,0	-		-		13.500,0	-	-	13.500,0	Đã hoàn thành		
-	Trường THCS TT Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	Ban QLDA ĐTXD huyện	662/QĐ-UBND ngày 13/11/2021	14.925,0	2021-2023	12.600,0		12.600,0	10.400,0	10.400,0	2.200,0		2.200,0			12.600,0	-	-	12.600,0	Đã hoàn thành	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)				Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH	Vốn NS tỉnh		Vốn NSH	Tăng (+)	Giảm (-)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW	Vốn NS huyện
-	Xây dựng mới 18 phòng học, chức năng trường THCS thị trấn Bồ Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện	395/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	14.997,0	2023-2024	13.500,0			13.500,0	-	-	13.500,0		13.500,0		13.500,0	-	-	-	-	Dừng triển khai	
-	Nhà đa năng trường THCS Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	396/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	7.500,0	2023-2024	4.050,0			4.050,0	4.050,0	4.050,0	-		-			4.050,0	-	-	-	4.050,0	Đã hoàn thành
-	Xây mới 3 phòng học trường mầm non Đồng Vương	Ban QLDA ĐTXD huyện	397/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	2.700,0	2023-2024	2.430,0			2.430,0	2.430,0	2.430,0	-		-			2.430,0	-	-	-	2.430,0	Đã hoàn thành
-	Xây mới 2 phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	398/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	2.700,0	2023-2024	1.584,0			1.584,0	1.584,0	1.584,0	-		-			1.584,0	-	-	-	1.584,0	Đã hoàn thành
-	Xây dựng 08 phòng chức năng, phòng học bộ môn trường tiểu học Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	399/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	6.642,0	2023-2024	5.400,0			5.400,0	5.400,0	5.400,0	-		-			5.400,0	-	-	-	5.400,0	Đã hoàn thành
-	Xây dựng 03 phòng học khu chính trường tiểu học Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	400/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	2.763,0	2023-2024	2.250,0			2.250,0	2.250,0	2.250,0	-		-			2.250,0	-	-	-	2.250,0	Đã hoàn thành
-	Xây dựng 06 phòng học, chức năng trường THCS Đồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	401/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	5.068,0	2023-2024	4.050,0			4.050,0	4.050,0	4.050,0	-		-			4.050,0	-	-	-	4.050,0	Đã hoàn thành
-	Xây mới 4 phòng chức năng trường THCS Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	403/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	3.538,0	2023-2024	2.880,0			2.880,0	2.880,0	2.880,0	-		-			2.880,0	-	-	-	2.880,0	Đã hoàn thành
-	Xây mới 02 phòng chức năng trường THCS Đồng Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	404/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	1.980,0	2023-2024	1.260,0			1.260,0	1.000,0	1.000,0	260,0		260,0			1.260,0	-	-	-	1.260,0	Đã hoàn thành
-	Xây mới 4 phòng chức năng trường THCS An Thương (Nay sửa tên thành: Xây dựng 06 phòng chức năng trường THCS An Thương)	Ban QLDA ĐTXD huyện	405/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	5.097,0	2024	2.880,0			2.880,0	2.500,0	2.500,0	380,0		380,0			2.880,0	-	-	-	2.880,0	Đang triển khai thực hiện
-	Xây mới 06 phòng chức năng trường THCS Đồng Vương	Ban QLDA ĐTXD huyện	406/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	5.068,0	2024	4.050,0			4.050,0	3.000,0	3.000,0	1.050,0		1.050,0			4.050,0	-	-	-	4.050,0	Đang triển khai thực hiện
-	Xây mới 4 phòng chức năng trường THCS Đồng Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	407/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	3.538,0	2024	2.880,0			2.880,0			2.880,0		2.880,0		2.880,0	-	-	-	-	Dừng thực hiện do sát nhập xã	
-	Xây mới 4 phòng chức năng trường THCS Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	408/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	3.538,0	2024	2.880,0			2.880,0	-	-	2.880,0		2.880,0			2.880,0	-	-	-	2.880,0	
-	Xây mới 08 phòng chức năng trường TH Xuân Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện	409/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	6.642,0	2025	5.040,0			5.040,0	-	-	5.040,0		5.040,0		5.040,0	-	-	-	-	Do vướng mắc mặt bằng	
-	Xây mới 06 phòng chức năng trường THCS Xuân Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện	410/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	6.642,0	2025	4.050,0			4.050,0	-	-	4.050,0		4.050,0		4.050,0	-	-	-	-		
-	Xây mới 03 phòng chức năng trường THCS Tiến Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	411/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	2.763,0	2025	1.800,0			1.800,0	-	-	1.800,0		1.800,0			1.800,0	-	-	-	1.800,0	
*	Lĩnh vực phát triển KT-XH			31.003,0		27.891,0	-	-	27.891,0	18.812,0	18.812,0	9.079,0	-	9.079,0	-	79,0	27.812,0	-	-	-	27.812,0	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 3 xây dựng Sân vận động)	Ban QLDA ĐTXD huyện	5106/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	13.503,0	2021	12.162,0			12.162,00	12.162,0	12.162,0	-		-			12.162,0	-	-	-	12.162,0	Đã hoàn thành
-	Chỉnh trang vỉa hè thị trấn Bồ Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện	703/QĐ-UBND ngày 15/9/2020/ 577/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	3.500,0	2021-2022	3.079,0			3.079,0	3.000,0	3.000,0	79,0		79,0		79,0	3.000,0	-	-	-	3.000,0	Đã hoàn thành
-	Cải tạo trụ sở làm việc UBND thị trấn Cầu Gồ cũ làm Trụ sở Trung tâm VH-TT&TT huyện + Di chuyển trạm phát sóng	Ban QLDA ĐTXD huyện	711/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 477/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	2.500,0	2021-2022	2.300,0			2.300,0	2.300,0	2.300,0	-		-			2.300,0	-	-	-	2.300,0	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	412/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	10.000,0	2023-2024	9.000,0			9.000,0	-	-	9.000,0		9.000,0			9.000,0	-	-	-	9.000,0	
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc liên cơ quan UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	413/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	1.500,0	2023-2024	1.350,0			1.350,0	1.350,0	1.350,0	-		-			1.350,0	-	-	-	1.350,0	Đã hoàn thành
*	Hỗ trợ xây dựng công trình NTM giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện)	UBND các xã, thị trấn				17.980,0			17.980,0	8.239,0	8.239,0	14.139,0		14.139,0			17.980,0	-	-	-	17.980,0	
D	Nguồn chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi			173.172,0		62.007,2	-	-	62.007,2	55.168,2	55.168,2	6.839,0	-	6.839,0	-	139,3	61.867,9	-	-	-	61.867,9	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			43.014,0		26.795,0	-	-	26.795,0	23.851,3	23.851,3	2.943,7	-	2.943,7	-	-	26.795,0	-	-	-	26.795,0	
-	Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bản Chàm đi trung tâm xã Tam Tiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện	99/QĐ-UBND ngày 22/2/2022	5.887,0	2022-2023	5.500,0			5.500,0	5.500,0	5.500,0	-					5.500,0	-	-	-	5.500,0	Đã hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Công Xá - Ngã ba Đồng Tâm) 3km	Ban QLDA ĐTXD huyện	98/QĐ-UBND ngày 22/2/2022	14.687,0	2022-2023	4.100,0			4.100,0	4.100,0	4.100,0	-		-			4.100,0	-	-	-	4.100,0	Đã hoàn thành

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án ban đầu/Quyết định điều chỉnh, bổ sung		Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (số 238/QĐ-UBND ngày 08/5/2023; số 446/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 809/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; số 962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023;số 193/QĐ-UBND ngày 29/3/2022)				Kế hoạch vốn hằng năm đã giao giai đoạn 2021-2024		Kế hoạch vốn năm 2025 còn lại		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Sau điều chỉnh)				Ghi chú (Ghi rõ dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm 2023 hoặc tiếp tục thực hiện trong năm 2024)	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng số	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW	Vốn NSH				Vốn NS tỉnh	Vốn NSH	Tăng (+)	Giảm (-)		Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW		Vốn NS huyện
-	Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đồng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	100/QĐ-UBND ngày 22/2/2022	7.444,0	2022-2023	6.699,0			6.699,0	6.000,0	6.000,0	699,0		699,0			6.699,0	-	-	6.699,0	Đã hoàn thành
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	97/QĐ-UBND ngày 22/2/2022	14.996,0	2022-2023	10.496,0			10.496,0	8.251,3	8.251,3	2.244,7		2.244,7			10.496,0	-	-	10.496,0	Đã hoàn thành
II	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			112.634,0		22.626,0	-	-	22.626,0	20.800,0	20.800,0	1.826,0	-	1.826,0	-	100,0	22.526,0	-	-	22.526,0	
-	Lắp dựng lan can bảo vệ, trang trí hồ sinh thái, hồ xối vật khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám; xây mương thoát nước sau hồ sinh thái; sau điện lực Yên Thế, thị trấn Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	154/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	7.607,0	2022-2023	6.846,0			6.846,0	6.500,0	6.500,0	346,0		346,0			6.846,0	-	-	6.846,0	Đã hoàn thành
-	Nâng cấp mương tưới nước từ hồ Chín Suối đi Gia Bình; tuyến từ hồ Chín Suối đi cánh đồng Trại Mới thuộc thôn Trại Mới xã Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	123/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	3.757,0	2022-2023	3.380,0			3.380,0	2.000,0	2.000,0	1.380,0		1.380,0			3.380,0	-	-	3.380,0	Đã hoàn thành
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những diêm khởi nghĩa Yên Thế; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ đến thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	01/NQ-HUBND ngày 25/4/2023	84.875,0	2023-2024	6.000,0			6.000,00	6.000,0	6.000,0	-		-			6.000,0	-	-	6.000,0	Đã hoàn thành
-	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng - Đoàn thể huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	571/QĐ-UBND ngày 15/9/2021; 401/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022	14.995,0	2021-2023	5.000,0			5.000,0	5.000,0	5.000,0	-		-			5.000,0	-	-	5.000,0	Đã hoàn thành
-	Trạm y tế thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế; HM: Giải phóng mặt bằng	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	91/QĐ-UBND, ngày 21/2/2023	1.400,00		1.400,00			1.400,00	1.300,0	1.300,0	100,0		100,0		100,0	1.300,0	-	-	1.300,0	Đã hoàn thành
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC			8.923,0		8.030,0	-	-	8.030,0	6.000,0	6.000,0	2.030,0	-	2.030,0	-	-	8.030,0	-	-	8.030,0	
1	Dự án khởi công mới năm 2022			8.923,0		8.030,0	-	-	8.030,0	6.000,0	6.000,0	2.030,0	-	2.030,0	-	-	8.030,0	-	-	8.030,0	
-	Xây dựng 03 phòng học; Cải tạo dãy nhà lớp học tạm làm khu hiệu bộ; Cải tạo sân, rãnh thoát nước, tường rào trường mầm non Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	78/QĐ-UBND ngày 17/2/2022; 162/QĐ-UBND ngày 16/3/2022	5.273,0	2022-2023	4.745,0			4.745,0	4.000,0	4.000,0	745,0		745,0			4.745,0	-	-	4.745,0	Đã hoàn thành
-	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	151/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	3.650,0	2022-2023	3.285,0			3.285,0	2.000,0	2.000,0	1.285,0		1.285,0			3.285,0	-	-	3.285,0	Đã hoàn thành
IV	CHI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI			8.601,0		4.556,2	-	-	4.556,2	4.516,9	4.516,9	39,3	-	39,3	-	39,3	4.516,9	-	-	4.516,9	
1	Dự án khởi công mới			8.601,0		4.556,2	-	-	4.556,2	4.516,9	4.516,9	39,3	-	39,3	-	39,3	4.516,9	-	-	4.516,9	
-	Quy hoạch vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	691/QĐ-UBND ngày 23/11/2021	2.817,0	2023	2.362,0			2.362,0	2.362,0	2.362,0	-		-			2.362,0	-	-	2.362,0	Đã hoàn thành
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT	642/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	1.793,00	2022-2023	1.527,0			1.527,00	1.487,7	1.487,65	39,3		39,3		39,3	1.487,7	-	-	1.487,7	Đã hoàn thành
-	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1771/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	3.991,0	2023	667,2			667,2	667,2	667,2	-		-			667,2	-	-	667,2	Đã hoàn thành
E	Đổi ứng các công trình thực hiện CT MTQG			44.333,0		43.801,0	15.865,0	16.934,0	11.002,0	39.230,9	6.431,9	4.570,1	-	4.570,1	-	-	43.801,0	15.865,0	16.934,0	11.002,0	
-	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường xã Đồng Vương đi xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4137/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	10.771,0	2022-2024	10.239,0	4.320,0	4.106,0	1.813,0	9.426,0	1.000,0	813,0		813,0			10.239,0	4.320,0	4.106,0	1.813,0	Đang triển khai thực hiện
-	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Yên Thế; hạng mục: phòng ở nội trú cho học sinh nội trú; Công trình vệ sinh, nước sạch; Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; Phòng học thông thường và phòng học bộ môn; Các công trình phụ trợ (tường bao, lát sân...)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3399/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	33.562,0	2022-2024	33.562,0	11.545,0	12.828,0	9.189,0	29.804,9	5.431,908	3.757,1		3.757,1			33.562,0	11.545,0	12.828,0	9.189,0	Đang triển khai thực hiện

BỘ SƯNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
(VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025															Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2024										Ghi chú (Lý do)	
			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025 được phê duyệt						Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Kế hoạch vốn năm 2024			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Ngân sách TƯ		Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:		
				NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp		NS TW	NS tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW		NS tỉnh
	Tổng cộng		24.502,3	21.165,5	1.180,5	754,0	427,0	875,3	4.360,139	4.360,139	845,996	845,996	23.789,6	21.165,5	1.180,5	380,0	252,7	810,9	7.016,10	6.034,0	982,10	3.495,230	3.495,230	845,996	845,996	7.016,10	6.034,00	982,10	
A	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		13.032,6	9.978,0	1.180,5	754,0	427,0	593,1	3.254,230	3.254,230	845,996	845,996	12.564,1	9.978,0	1.180,5	380,0	252,7	772,9	6.010,1	5.028,0	982,1	3.254,230	3.254,230	845,996	845,996	6.010,10	5.028,00	982,10	
1	Xã Đồng Hưu		2.556,0	1.286,0	800,0	200,0	80,0	190,0	800,0	800,0	800,0	800,0	2.216,5	1.286,0	800,0	-	50,7	79,8	2.086,0	1.286,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	2.086,0	1.286,0	800,0	
*	Công trình không thực hiện		2.000,0	800,0	800,0	200,0	60,0	140,0	-	800,0	-	800,0	-	-	-	-	-	-	1.600,0	800,0	800,0	-	800,0	-	800,0	-	-	-	
-	Xây mới nhà văn hoá Trại Tre	UBND xã Đồng Hưu	1.050,0	200,0	650,0	100,0	30,0	70,0		200,0		650,0		-					850,0	200,0	650,0		200,0		650,0				Do quy hoạch đường 60A, quy hoạch đi qua nhà văn hoá trại Tre phải chuyển nhà văn hoá ra vị trí mới. Do nhà văn hoá Đèo Sắt phải chuyển ra vị trí mới nhân dân không đủ khả năng đóng góp
-	Xây mới nhà văn hoá Đèo Sắt	UBND xã Đồng Hưu	950,0	600,0	150,0	100,0	30,0	70,0		600,0		150,0		-	-				750,0	600,0	150,0		600,0		150,0				
*	Công trình điều chỉnh		556,0	486,0	-	-	20,0	50,0	-	-	444,0	-	1.000,0	486,0	444,0	-	20,0	50,0	486,0	486,0	-	-	-	444,0	-	930,0	486,0	444,0	
-	Cải tạo, sửa chữa mở rộng đường từ ông Bảy đi ông Vĩnh - thôn Thái Hà	UBND xã Đồng Hưu	556,0	486,0			20,0	50,0			444,0		1.000,0	486,0	444,0		20,0	50,0	486,0	486,0				444,0		930,0	486,0	444,0	QĐ phê duyệt dự toán số 1086/QĐ-UBND ngày 17/11/2023
*	Công trình bổ sung mới		-	-	-	-	-	-	800,0	-	356,0	-	1.216,5	800,0	356,0	-	30,7	29,8	-	-	-	800,0	-	356,0	-	1.156,0	800,0	356,0	
-	Mái vòm, cải tạo, nâng cấp sân nhà văn hoá Trại Tre	UBND xã Đồng Hưu	-						200,0		206,0		425,9	200,0	206,0			19,9	-			200,0		206,0		406,0	200,0	206,0	Bổ sung để đạt NTM
-	Mái vòm, nhà văn hoá Đèo Sắt	UBND xã Đồng Hưu	-						170,0				179,9	170,0	-		9,9	-			170,0				170,0	170,0			
-	Trung tâm thể thao xã Đồng Hưu	UBND xã Đồng Hưu	-						430,0		150,0		610,7	430,0	150,0		30,7		-			430,0		150,0		580,0	430,0	150,0	
2	Xã Đồng Lạc		778,0	648,0	-	80,0	2,0	48,0	648,0	648,0	-	-	978,0	648,0	-	80,0	2,0	248,0	648,0	648,0	-	648,0	648,0	-	-	648,0	648,0	-	
*	Công trình không thực hiện		778,0	648,0	-	80,0	2,0	48,0	-	648,0	-	-	-	-	-	-	-	-	648,0	648,0	-	-	648,0	-	-	-	-	-	
-	Công trình Xây dựng cổng trường THCS	UBND xã Đồng Lạc	298,0	298,0						298,0			-						298,0	298,0			298,0			-	-	-	Trùng dự án do Ban QLDA ĐTXD huyện thực hiện
-	Cứng hóa kênh mương thôn Vàng	UBND xã Đồng Lạc	480,0	350,0		80,0	2,0	48,0		350,0									350,0	350,0			350,0						Công trình triển khai vị trí khác
*	Công trình khởi công mới		-	-	-	-	-	-	648,0	-	-	-	978,0	648,0	-	80,0	2,0	248,0	-	-	-	648,0	-	-	-	648,0	648,0	-	
-	Cứng hóa kênh mương nội đồng thôn Cây Gao	UBND xã Đồng Lạc	-						350,0				480,0	350,0		80,0	2,0	48,0	-			350,0				350,0	350,0		
-	Cứng hóa đường GTNT thôn Chi Chèo (đoạn từ đường tỉnh 292 đi nhà văn hóa)	UBND xã Đồng Lạc	-						298,0				498,0	298,0				200,0	-			298,0				298,0	298,0	-	
3	Xã Tân Hiệp		1.800,0	1.300,0	-	200,0	-	300,0	12,23	12,23	-	-	1.900,0	1.300,0	-	200,0	-	400,0	1.300,0	1.300,0	-	12,230	12,230	-	-	1.300,0	1.300,0	-	
*	Công trình điều chỉnh		1.800,0	1.300,0	-	200,0	-	300,0	12,23	12,23	-	-	1.900,0	1.300,0	-	200,0	-	400,0	1.300,0	1.300,0	-	12,230	12,230	-	-	1.300,0	1.300,0	-	
-	Cải tạo trạm y tế xã Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	300,0	300,0						12,23			287,8	287,8	-	-	-	-	300,0	300,0			12,230			287,77	287,77	-	
-	Nhà văn hóa thôn Đồng Gia	UBND xã Tân Hiệp	650,0	400,0	-	100,0	-	150,0	4,20				654,2	404,2	-	100,0	-	150,0	400,0	400,0		4,200				404,20	404,20	-	Điều chỉnh, bổ sung cơ cấu nguồn vốn
-	Nhà văn hóa thôn Luộc Giới	UBND xã Tân Hiệp	850,0	600,0	-	100,0	-	150,0	8,03				958,0	608,0	-	100,0	-	250,0	600,00	600,00		8,03				608,03	608,03	-	
4	Xã Đồng Sơn		1.092,1	860,0	182,1	50,0	-	-	610,0	610,0	45,996	45,996	1.042,1	860,0	182,1	-	-	-	792,1	610,0	182,1	610,0	610,0	45,996	45,996	792,1	610,0	182,1	
*	Công trình không thực hiện		660,0	610,0	-	50,0	-	-	-	610,0	-	-	-	-	-	-	-	-	610,0	610,0	-	-	610,0	-	-	-	-	-	
-	Khu thể thao thôn Đồi Hồng	UBND xã Đồng Sơn	450,0	400,0		50,0				400,0			-	-	-	-	-	-	400,0	400,0			400,0			-	-	-	
-	Khu thể thao thôn Cầu Gụ	UBND xã Đồng Sơn	210,0	210,0						210,0			-	-	-	-	-	-	210,0	210,0			210,0			-	-	-	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025															Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2024										Ghi chú (Lý do)		
			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025 được phê duyệt						Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Kế hoạch vốn năm 2024			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh					
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Ngân sách TƯ		Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:			
				NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp		NS TW	NS tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW		NS tỉnh	
*	Công trình điều chỉnh		432	250	182	-	-	-	-	-	45,996	45,996	432	250	182,10	-	-	-	182,1	-	182,1	-	-	45,996	45,996	182,1	-	182,1		
-	Nhà văn hóa thôn Đền Quynh	UBND xã Đông Sơn	74,1		74,1							36,792	37,3	-	37,308	-	-	-	74,10		74,10				36,792	37,308	-	37,308		
-	Nhà văn hóa thôn Gia Bình	UBND xã Đông Sơn	77,4		77,4							9,204	68,2	-	68,196	-	-	-	77,40		77,40				9,204	68,196	-	68,196		
-	Khu thể thao thôn Dồi Lánh	UBND xã Đông Sơn	250,0	250,0							44,240		294,2	250,0	44,240	-	-	-	-						44,240		44,240	-	44,240	
-	Xây dựng khu Trung tâm thể thao xã	UBND xã Đông Sơn	30,6		30,6						1,756		32,4	-	32,356	-	-	-	30,60		30,60				1,756		32,356	-	32,356	
*	Công trình khởi công mới		-	-	-	-	-	-	610,0	-	-	-	610,0	610,0	-	-	-	-	-	-	610,0	-	-	-	610,0	610,0	-			
-	Đường từ nhà Ở Quảng đi nhà anh Tới thôn Dồi Hồng	UBND xã Đông Sơn	-						400,0				400,0	400,0	-	-	-	-	-		400,0				400	400	-			
-	Đường bê tông đi nghĩa trang thôn Cầu Gụ	UBND xã Đông Sơn	-						210,0				210,0	210,0	-	-	-	-	-		210,0				210	210	-			
5	Xã Đông Kỳ		4.800,0	4.400,0	-	-	300,0	-	100,0	100,0	-	-	4.600,0	4.400,0	-	-	200,0	-	100,0	100,0	-	100,0	100,0	-	-	100,0	100,0	-		
-	Nâng cấp trạm y tế	UBND xã Đông Kỳ	3.100,0	3.100,0						100,0			3.000,0	3.000,0	-	-	-	-	100	100			100,0			-	-	-		
-	Trường mầm non xã Đông Kỳ (nhà hiệu bộ và phòng chức năng)	UBND xã Đông Kỳ	1.700,0	1.300,0			300,0		100,0				1.600,0	1.400,0	-	-	200,0	-	-		100,0				100,0	100,0	-			
6	Xã Tân Sỏi		2.006,5	1.484,0	198,4	224,0	45,0	55,1	1.084,0	1.084,0	-	-	1.827,5	1.484,0	198,4	100,0	-	45,1	1.084,0	1.084,0	-	1.084,0	1.084,0	-	-	1.084,0	1.084,0	-		
-	Cứng hóa kênh mương từ mương cứng đến công đê đồng rông thôn Chè	UBND xã Tân Sỏi	918,0	744,0		124,0	40,0	10,0		744,0			-	-	-				744,0	744,0			744,0			-	-		Công trình không thực hiện	
-	Xây mới Nhà văn hóa thôn Yên Cư	UBND xã Tân Sỏi	928,5	600,0	198,4	100,0		30,1		200,0			728,5	400,0	198,4	100,0		30,1	200,0	200,0			200,0			-	-		Đã thu đủ đối ứng	
-	Cứng hóa đường từ ông Liêm đến ông Hưng	UBND xã Tân Sỏi	160,0	140,0	-		5,0	15,0		140,0			15,0	-	-	-	-	15,0	140,0	140,0			140,0			-	-		Công trình không thực hiện	
-	Mương nội đồng thôn Chè khu đồng cửa từ cửa ông Tân đến công công ty may QT	UBND xã Tân Sỏi							400,0				400,0	400,0	-	-	-	-	-		400,0				400,0	400,0	-			
-	Đường từ 292 đến công trường THCS và trường Tiểu học Tân Sỏi	UBND xã Tân Sỏi							160,0				160,0	160,0	-	-	-	-	-		160,0				160,0	160,0	-			
-	Đường nội đồng thôn Yên Cư	UBND xã Tân Sỏi							524,0				524,0	524,0	-	-	-	-	-		524,0				524,0	524,0	-			
B	Vốn Chương trình MTQG phát triển vùng kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		11.469,7	11.187,5	-	-	-	282,2	1.105,909	1.105,909	-	-	11.225,5	11.187,5	-	-	-	38,0	1.006,0	1.006,0	-	241,0	241,0	-	-	1.006,0	1.006,0	-		
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		9.686,7	9.404,5	-	-	-	282,2	522,855	522,855	-	-	9.442,5	9.404,5	-	-	-	38,0	1.006,0	1.006,0	-	241,0	241,0	-	-	1.006,0	1.006,0	-		
I	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		9.686,7	9.404,5	-	-	-	282,2	522,9	522,9	-	-	9.442,5	9.404,5	-	-	-	38,0	1.006,0	1.006,0	-	241,0	241,0	-	-	1.006,0	1.006,0	-		
*	Xã Tân Hiệp		1.491,2	1.209,0	-	-	-	282,2	126,0	126,0	-	-	1.247,0	1.209,0	-	-	-	38,0	126,0	126,0	-	126,0	126,0	-	-	126,0	126,0	-		
-	Đường bê tông thôn Đồng Bông	UBND xã Tân Hiệp	668,2	560,0				108,2	70,182				668,2	630,2	-	-	-	38,0	-			70,182				70,182	70,182	-		
-	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa thôn Đồng Bông	UBND xã Tân Hiệp	300,0	126,0				174,0		126,0			-	-	-	-	-	126	126,0			126,0			-	-	-			
-	Cứng hóa mương thôn Đồng Bông	UBND xã Tân Hiệp	523,0	523,0				-	55,818				578,8	578,8	-	-	-	-	-			55,818				55,818	55,818	-		
*	Xã Đông Vương		2.310,0	2.310,0	-	-	-	-	35,0	35,0	-	-	2.310,0	2.310,0	-	-	-	-	325,0	325,0	-	35,0	35,0	-	-	325,0	325,0	-		
-	Mương tưới bản La Xa, xã Đông Vương	UBND xã Đông Vương	700,0	700						35,0			665,0	665,0	-	-			155,0	155,0			35,0			120	120	-		
-	Đường bê tông bản La Lanh, Trảng Bần, xã Đông Vương	UBND xã Đông Vương	1.610,0	1.610					35,0				1.645,0	1.645,0	-	-			170,0	170,0		35,0				205	205	-		
*	Xã Tiến Thắng		4.388,5	4.388,5	-	-	-	-	281,855	281,855	-	-	4.388,5	4.388,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Đường bê tông Song Sơn, xã Tiến Thắng (Giai đoạn 1)	UBND xã Tiến Thắng	708,5	708,5					60,975				769,48	769,48																
-	Đường bê tông thôn Hồ Luồng, xã Tiến Thắng (Giai đoạn 2)	UBND xã Tiến Thắng	1.202,0	1.202					47,956		-		1.249,96	1.249,96																
-	Đường bê tông thôn Rừng Chiềng, xã Tiến Thắng (Giai đoạn 2)	UBND xã Tiến Thắng	1.276,0	1.276					172,924				1.448,92	1.448,92																

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025														Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2024											Ghi chú (Lý do)			
			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2021-2025 được phê duyệt						Điều chỉnh				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Kế hoạch vốn năm 2024			Điều chỉnh				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh					
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Ngân sách TƯ		Ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:				
				NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW	NS tỉnh	NS Huyện	NS Xã	Dân góp		NS TW	NS tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)		NS TW		NS tỉnh		
-	Đường bê tông thôn Song Sơn, xã Tiến Thắng (Giai đoạn 2)	UBND xã Tiến Thắng	1.202,0	1.202						281,855			920,15	920,15																	
*	Xã Canh Nậu		1.497,0	1.497,0	-	-	-	-	80,0	80,0	-	-	1.497,0	1.497,0	-	-	-	-	-	555,0	555,0	-	80,0	80,0	-	-	555,0	555,0	-		
	Đường bê tông bản Cồn Trang xã Canh Nậu	UBND xã Canh Nậu	927,0	927,0						80,0			847,0	847,0					80,0	80,0			80,0				-	-		Hết nhiệm vụ chi	
	Trạm bơm + Cứng hóa mương bản Dốc Đơ xã Canh Nậu	UBND xã Canh Nậu	570,0	570,0					80,0				650,0	650,0					475,0	475,0		80,0				555,0	555,0				
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		1.783,0	1.783,0	-	-	-	-	583,054	583,054	-	-	1.783,0	1.783,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số		1.783,0	1.783,0	-	-	-	-	583,054	583,054	-	-	1.783,0	1.783,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn truyền thống tiêu biểu bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế,	UBND xã Xuân Lương	1.783,0	1.783,0						583,0540			1.199,946	1.199,946																	
-	Cải tạo sửa chữa đình Xuân Lung - xã Xuân Lương	UBND xã Xuân Lương							583,054				583,054	583,054																	

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (NGÂN SÁCH HUYỆN)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Nguồn vốn đã bố trí đến 31/5/2024		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Kế hoạch vốn 2024			Điều chỉnh	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện								Giảm (-)	Tăng (+)
	TỔNG CỘNG				10.039,00	1.813,00	-	14.641,00	2.217,00	12.324,00	1.404,00	1.404,00	404,00	404,00	1.404,00			
I	Hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM			-	-	-	-	4.602,00	404,00	3.098,00	404,00	404,00	404,00	204,00	204,00			
-	Cứng hóa kênh mương từ mương cứng đến công đề đồng rông thôn Chè	2024	UBND xã Tân Sỏi				1179/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	918,0	124,0	868,0	124,0	124,0	124,0			Vướng mắc mặt bằng, không triển khai thực hiện		
-	Mương nội đồng thôn Chè khu đồng cửa từ cửa ông Tấn đến công công ty may QT	2024	UBND xã Tân Sỏi					500,0						70,0	70,0			
-	Mương nội đồng đồng khảm thôn Yên Cư	2024	UBND xã Tân Sỏi					224,0						54,0	54,0			
-	Cứng hóa kênh mương thôn Vàng	2024	UBND xã Đồng Lạc				807/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	480,0	80,0	430,0	80,0	80,0	80,0			Công trình sai vị trí thực hiện		
-	Cứng hóa kênh mương nội đồng thôn Cây Gạo	2024	UBND xã Đồng Lạc					480,0						80,0	80,0			
-	Xây mới nhà văn hoá Trại Tre	2024	UBND xã Đồng Hưu				1079/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.050,00	100,0	950,0	100,0	100,0	100,0			Công trình không thực		
-	Xây mới nhà văn hoá Đèo Sắt	2024	UBND xã Đồng Hưu				1078/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	950,00	100,0	850,0	100,0	100,0	100,0			hiện. Thu hồi về ngân sách huyện		
II	Đối ứng công trình thực hiện Chương trình MTQG				10.039,0	1.813,0	-	10.039,0	1.813,0	9.226,0	1.000,0	1.000,0	-	200,0	1.200,0			
-	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường xã Đồng Vương đi xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế	2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện	4137/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	10.039,0	1.813,0		10.039,0	1.813,0	9.226,0	1.000,0	1.000,0		200,0	1.200,0			

ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP - THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024 đã phân bổ		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:	Trong đó:			
				Các hoạt động kinh tế	Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng số		1.663,0	1.663,0	142,0	85,0	1.720,0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, Đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán		1.063,0	1.063,0	142,0	85,0	1.120,0	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề:		700,0	700,0	40,0	40,0	700,0	
		UBND xã Đồng Vương	120,0	120,0			120,0	
		UBND xã Đồng Tiến	90,0	90,0	20,0		110,0	
		UBND xã Canh Nậu	40,0	40,0			40,0	
		UBND xã Đồng Hưu	140,0	140,0			140,0	
		UBND xã Tam Tiến	40,0	40,0			40,0	
		UBND xã Tiến Thắng	60,0	60,0			60,0	
		UBND xã Hồng Kỳ	90,0	90,0			90,0	
		UBND xã Tam Hiệp	20,0	20,0		10,0	10,0	
		UBND xã Đông Sơn	20,0	20,0	20,0		40,0	
		UBND xã Đồng Kỳ	40,0	40,0		30,0	10,0	
		UBND xã Xuân Lương	20,0	20,0			20,0	
		UBND xã Tân Hiệp	20,0	20,0			20,0	

Stt	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024 đã phân bổ		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:	Trong đó:			
				Các hoạt động kinh tế	Tăng (+)	Giảm (-)		
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		363,0	363,0	102,0	45,0	420,0	tăng 102 triệu đồng (trong đó: phân bổ 57 triệu và điều chỉnh 45 triệu đồng)
		UBND xã Đồng Vương	54,0	54,0	36,0		90,0	
		UBND xã Đồng Tiến	21,0	21,0	24,0		45,0	
		UBND xã Canh Nậu	30,0	30,0			30,0	
		UBND xã Đồng Hưu	54,0	54,0	36,0		90,0	
		UBND xã Tam Tiến	75,0	75,0		39,0	36,0	
		UBND xã Tiến Thắng	75,0	75,0		3,0	72,0	
		UBND xã Hồng Kỳ	33,0	33,0		3,0	30,0	
		UBND xã Tam Hiệp	3,0	3,0	3,0		6,0	
		UBND xã Đông Sơn	6,0	6,0	3,0		9,0	
		UBND xã Xuân Lương	6,0	6,0			6,0	
		UBND xã Tân Hiệp	6,0	6,0			6,0	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		600,0	600,0			600,0	Vốn Sự Nghiệp
	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		600,0	600,0	600,0	600,0	600,0	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế cộng đồng		600,0	600,0	-	600,0	-	

Stt	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024 đã phân bổ		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:	Trong đó:			
				Các hoạt động kinh tế	Tăng (+)	Giảm (-)		
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế cộng đồng	Phòng Nông nghiệp & PTNT	600,0	600,0		600,0	-	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị		-	-	600,0	-	600,0	
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Phòng Nông nghiệp & PTNT	-		600,0		600,0	